

Số: /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ thủ tục hành chính  
(lĩnh vực Chăn nuôi) thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp  
và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Tĩnh**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 1322/SNN-TCCB ngày 22/6/2021 và Sở Khoa học và Công nghệ tại Văn bản số 939/SKH-CN-TĐC ngày 29/6/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục và Quy trình nội bộ 04 (bốn) thủ tục hành chính (lĩnh vực Chăn nuôi) được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Tĩnh.

**Điều 2.** Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành; thay thế Quyết định số 1205/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của UBND tỉnh.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Giám đốc: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC, VPCP;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, PC<sub>1</sub>.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đặng Ngọc Sơn**

**DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN  
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH HÀ TĨNH**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh)

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Lĩnh vực Chăn nuôi)**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	<ul style="list-style-type: none"><li>- Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</li><li>- Đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</li></ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Tĩnh (Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh) - Website: <a href="http://dichvucong.hatinh.gov.vn">http://dichvucong.hatinh.gov.vn</a>	Phí: <ul style="list-style-type: none"><li>- Trường hợp phải đánh giá điều kiện thực tế 5.700.000 đồng;</li><li>- Trường hợp không phải đánh giá điều kiện thực tế: 1.600.000 đồng.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Luật Chăn nuôi ngày 19/11/2018.</li><li>- Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;</li><li>- Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi.</li><li>- Quyết định số 823/QĐ-BNN-CN ngày 16/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực chăn nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li></ul>

<b>TT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Phí, lệ phí</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Phí: 250.000 đồng	Như trên
3	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Phí: 2.300.000 đồng	Như trên
4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Phí: 250.000 đồng	Như trên

## PHẦN II. QUY TRÌNH NỘI BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

### 1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng

<b>1</b>	<b>KÝ HIỆU QUY TRÌNH</b>	<b>QT.CNTY.17</b>
<b>2</b>	<b>NỘI DUNG QUY TRÌNH</b>	
<b>2.1</b>	<b>Điều kiện thực hiện TTHC</b>	
	<p>2.1.1. Tổ chức, cá nhân sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng phải đáp ứng các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Địa điểm cơ sở sản xuất không nằm trong khu vực bị ô nhiễm bởi chất thải nguy hại, hóa chất độc hại;</p> <p>b) Thiết kế khu sản xuất, bố trí thiết bị theo quy tắc một chiều từ nguyên liệu đầu vào đến sản phẩm đầu ra, bảo đảm tách biệt giữa các khu sản xuất để tránh nhiễm chéo;</p> <p>c) Có dây chuyền, trang thiết bị phù hợp để sản xuất thức ăn chăn nuôi: Dây chuyền sản xuất, trang thiết bị tiếp xúc với thức ăn chăn nuôi phải được làm bằng vật liệu dễ vệ sinh, không gây nhiễm chéo, không thôi nhiễm chất độc hại từ thiết bị sang thức ăn chăn nuôi; khu vực chứa thức ăn chăn nuôi bảo đảm thông thoáng, có đủ ánh sáng để quan sát bằng mắt thường, có giải pháp chống ẩm để không làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm; cơ sở sản xuất sinh khối vi sinh vật phải có thiết bị tạo môi trường, lưu giữ và nuôi cấy vi sinh vật;</p> <p>d) Có biện pháp bảo quản nguyên liệu thức ăn chăn nuôi theo khuyến cáo của tổ chức, cá nhân cung cấp;</p> <p>đ) Có biện pháp kiểm soát sinh vật gây hại, tạp chất, chất thải gây nhiễm bẩn để không ảnh hưởng đến an toàn, chất lượng thức ăn chăn nuôi: Cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi phải có biện pháp để kiểm soát tạp chất (cát sạn, kim loại, bụi) gây nhiễm bẩn vào sản phẩm; có biện pháp kiểm soát, phòng, chống động vật xâm nhập vào khu vực sản xuất, khu lưu trữ sản phẩm; có biện pháp phòng, chống mối mọt; có biện pháp thu gom và xử lý chất thải để tránh nhiễm bẩn cho sản phẩm và bảo đảm vệ sinh môi trường; có biện pháp bảo hộ, vệ sinh cho người lao động và khách tham quan khu vực sản xuất;</p> <p>e) Có trang thiết bị, dụng cụ đo lường được kiểm định, hiệu chỉnh theo quy định;</p> <p>g) Có hoặc thuê phòng thử nghiệm để phân tích chất lượng thức ăn chăn nuôi trong quá trình sản xuất;</p> <p>h) Người phụ trách kỹ thuật có trình độ từ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành chăn nuôi, thú y, sinh học, công nghệ thực phẩm, công nghệ sau thu hoạch;</p> <p>i) Cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh phải có biện pháp kiểm soát bảo đảm không phát tán, gây nhiễm chéo giữa các loại kháng sinh khác nhau, giữa thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh và thức ăn chăn nuôi không chứa kháng sinh;</p> <p>k) Có biện pháp bảo vệ môi trường đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.</p>	

	2.1.2. Tổ chức, cá nhân sản xuất thức ăn chăn nuôi tiêu thụ nội bộ phải đáp ứng các điều kiện quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g, i và k mục 2.1.1.		
<b>2.2</b>	<b>Cách thức thực hiện TTHC</b>		
	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh) hoặc qua Cổng Dịch vụ công (Địa chỉ <a href="http://dichvucong.hatinh.gov.vn">http://dichvucong.hatinh.gov.vn</a> ).		
<b>2.3</b>	<b>Thành phần hồ sơ, bao gồm:</b>	<b>Bản chính</b>	<b>Bản sao</b>
-	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi theo biểu mẫu BM.CNTY.17.01.	X	
-	Bản thuyết minh điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi theo biểu mẫu BM.CNTY.17.02.	X	
-	Quy trình kiểm soát chất lượng của cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi theo biểu mẫu BM.CNTY.17.03.		X
-	Bản tóm tắt quy trình sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với cơ sở sản xuất thức ăn truyền thống và nguyên liệu đơn.		X
	<p><i>* Lưu ý khi nộp hồ sơ:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nếu nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, trường hợp yêu cầu bản sao thì kèm theo bản gốc để đối chiếu;</li> <li>+ Nếu nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công thì quét (Scan) từ bản chính;</li> <li>+ Nếu nộp hồ sơ qua đường bưu điện thì nộp bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.</li> </ul>		
<b>2.4</b>	<b>Số lượng hồ sơ:</b> 01 bộ.		
<b>2.5</b>	<p><b>Thời hạn giải quyết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp 1 (TH1): Cấp Giấy chứng nhận đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Trường hợp 2 (TH2): Cấp Giấy chứng nhận đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</li> </ul>		
<b>2.6</b>	<b>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Tĩnh.		
<b>2.7</b>	<b>Cơ quan thực hiện:</b> Chi cục Chăn nuôi và Thú y Hà Tĩnh.		

	<b>Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</b> Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Hà Tĩnh. <b>Cơ quan được ủy quyền:</b> Không. <b>Cơ quan phối hợp:</b> Không.			
<b>2.8</b>	<b>Đối tượng thực hiện TTHC:</b> Tổ chức, cá nhân.			
<b>2.9</b>	<b>Kết quả giải quyết TTHC:</b> Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi hoặc Văn bản thông báo lý do từ chối cấp giấy chứng nhận hoặc Văn bản thông báo chưa cấp giấy chứng nhận và yêu cầu khắc phục.			
<b>2.10</b>	<b>Quy trình xử lý công việc</b>			
<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Biểu mẫu/Kết quả</b>
<b>a</b>	<b>Trường hợp 1: Cấp Giấy chứng nhận đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc.</b>			
<b>B1</b>	Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận TN&TKQ của Sở NN&PTNT - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Công chức TN&TKQ kiểm tra hồ sơ: + Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả. + Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Nếu không bổ sung, hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ.	Tổ chức/ cá nhân; Công chức TN&TKQ	Giờ hành chính	Mẫu 01; 02, 03 (nếu có), 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 2.3
<b>B2</b>	Chuyển hồ sơ từ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh về Chi cục Chăn nuôi và Thú y.	Công chức TN&TKQ/B ưu điện	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo
<b>B3</b>	Duyệt hồ sơ và chuyển cho phòng QLCN xử lý.	Lãnh đạo Chi cục	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo

B4	<p><b>Thẩm định hồ sơ:</b></p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu thì dự thảo văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trình lãnh đạo phòng xem xét, lãnh đạo Chi cục ký nháy, lãnh đạo Sở ký duyệt, Văn thư đóng dấu và phát hành văn bản.</p> <p>+ Nếu không bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đầy đủ theo yêu cầu hoặc quá thời gian quy định thì dự thảo Văn bản thông báo lý do từ chối cấp Giấy chứng nhận trình lãnh đạo phòng xem xét, lãnh đạo Chi Cục ký nháy, lãnh đạo Sở ký duyệt, Văn thư đóng dấu và chuyển Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để trả cho tổ chức, cá nhân <i>theo bước B10</i>.</p> <p>+ Nếu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đầy đủ theo yêu cầu thì tham mưu thành lập Đoàn đánh giá điều kiện thực tế cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi trình lãnh đạo Phòng xem xét, lãnh đạo Chi cục ký nháy, lãnh đạo Sở ký duyệt, chuyển sang thực hiện bước tiếp theo.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu thì tham mưu thành lập Đoàn đánh giá điều kiện thực tế trình lãnh đạo Phòng xem xét, lãnh đạo Chi cục ký nháy, lãnh đạo Sở ký duyệt, chuyển sang thực hiện bước tiếp theo.</p>	<p>Công chức được giao xử lý hồ sơ; Lãnh đạo Phòng QLCN; Lãnh đạo Chi cục; Lãnh đạo Sở; Văn thư Sở</p>	<p>08 ngày (Thời gian hoàn thiện hồ sơ tối đa 05 ngày, kể từ ngày ra thông báo và không tính trong thời gian giải quyết TTHC)</p>	<p>Mẫu 05, 06; Văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc Văn bản thông báo lý do từ chối cấp Giấy chứng nhận. Hoặc mẫu 05; Quyết định thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi.</p>
----	---	--	---	--





B5	Đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi.	Đoàn đánh giá theo Quyết định	11 ngày	Mẫu 05; Biên bản đánh giá điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi.
B6	<p><b>Sau đánh giá điều kiện thực tế:</b></p> <p>+ Nếu cơ sở đáp ứng điều kiện thì dự thảo Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi, kèm hồ sơ trình lãnh đạo phòng xem xét, lãnh đạo Chi cục xem xét, ký nháy</p> <p>+ Nếu cơ sở không đáp ứng điều kiện cấp giấy chứng nhận thì dự thảo Văn bản thông báo lý do chưa cấp giấy chứng nhận và yêu cầu khắc phục (<i>Thời gian khắc phục tối đa 6 tháng kể từ ngày lập biên bản đánh giá</i>) kèm hồ sơ trình lãnh đạo phòng xem xét, lãnh đạo Chi cục ký nháy.</p>	Công chức được giao xử lý; Lãnh đạo phòng QLCN;	02 ngày	Mẫu 05; Dự thảo Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi hoặc dự thảo Văn bản thông báo lý do chưa cấp Giấy chứng nhận và yêu cầu khắc phục đã được ký nháy và hồ sơ kèm theo
B7	Xem xét hồ sơ, và ký nháy dự thảo tại bước B6	Lãnh đạo Chi cục	01 ngày	Mẫu 05; Dự thảo Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi hoặc dự thảo Văn bản thông báo lý do chưa cấp Giấy chứng nhận và yêu cầu khắc phục đã được ký nháy.
B8	Trình lãnh đạo Sở NN&PTNT xem xét, ký duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Chi cục Chăn nuôi và Thú y. Hồ sơ trình bao gồm: - Hồ sơ theo mục 2.3, mẫu 05; - Biên bản đánh giá điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi;	Công chức được giao xử lý hồ sơ;	1,5 ngày	Hồ sơ trình

	- Dự thảo Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi hoặc dự thảo Văn bản thông báo lý do chưa cấp Giấy chứng nhận và yêu cầu khắc phục đã được ký nháy.			
	Xem xét hồ sơ, ký duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Chi cục Chăn nuôi và Thú y.	Lãnh đạo Sở		Mẫu 05; Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi hoặc Văn bản thông báo lý do chưa cấp Giấy chứng nhận và yêu cầu khắc phục đã ký duyệt.
B9	Phát hành văn bản và chuyển kết quả cho bộ phận TN&TKQ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Cập nhật kết quả xử lý công việc, lưu hồ sơ.	Văn thư Sở; Công chức được giao xử lý hồ sơ	0,5 ngày	Mẫu 05, 06 và Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi hoặc Văn bản thông báo lý do chưa cấp Giấy chứng nhận và yêu cầu khắc phục đã ký, đóng dấu.
B10	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	Công chức TN&TKQ; Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu 01, 06 và Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi hoặc Văn bản thông báo lý do từ chối cấp giấy chứng nhận hoặc Văn bản thông báo lý do chưa cấp Giấy chứng nhận và yêu cầu khắc phục.
<b>b</b>	<b>Trường hợp 2: Cấp Giấy chứng nhận đối với cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng:</b>			
B1	Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận TN&TKQ của Sở NN&PTNT - Trung tâm Phục	Tổ chức/ cá nhân; Công chức TN&TKQ	Giờ hành chính	Mẫu 01; 02, 03 (nếu có), 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 2.3

	<p>vụ hành chính công tỉnh. Công chức TN&amp;TKQ kiểm tra hồ sơ:</p> <p>+ Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả.</p> <p>+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Nếu không bổ sung, hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ.</p>			
B2	Chuyển hồ sơ từ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh về Chi cục Chăn nuôi và Thú y.	Công chức TN&TKQ/B ưu điện	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo
B3	Duyệt hồ sơ và chuyển cho phòng QLCN xử lý.	Lãnh đạo Chi cục	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo
B4	<p><b>Thẩm định hồ sơ:</b></p> <p>- Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu thì Dự thảo Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi kèm hồ sơ trình lãnh đạo Phòng xem xét, lãnh đạo Chi cục ký nháy <i>theo bước B5</i>.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu thì dự thảo Văn bản thông báo lý do từ chối cấp giấy chứng nhận kèm hồ sơ trình lãnh đạo phòng xem xét, lãnh đạo Chi cục ký nháy <i>theo bước B5</i>.</p>	Công chức được giao xử lý hồ sơ; Lãnh đạo Phòng QLCN	06 ngày	Mẫu 05; Dự thảo Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi hoặc dự thảo Văn bản thông báo lý do từ chối cấp Giấy chứng nhận kèm theo hồ sơ.
B5	Xem xét hồ sơ và ký nháy vào các dự thảo kết quả thực hiện tại bước B4	Lãnh đạo Chi cục	01 ngày	Mẫu 05; Dự thảo Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi hoặc dự thảo Văn bản thông báo lý do từ chối cấp Giấy chứng nhận đã được ký nháy.

B6	Trình lãnh đạo Sở NN&PTNT xem xét, ký duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Chi cục Chăn nuôi và Thú y. Hồ sơ trình bao gồm: - Hồ sơ theo mục 2.3, mẫu 05; - Dự thảo Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi hoặc dự thảo Văn bản thông báo lý do từ chối cấp Giấy chứng nhận đã được ký nháy.	Công chức được giao xử lý	1,5 ngày	Hồ sơ trình
	Xem xét hồ sơ, ký duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Chi cục Chăn nuôi và Thú y.	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT		Mẫu 05; Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi hoặc Văn bản thông báo lý do từ chối cấp giấy chứng nhận đã được ký duyệt.
B7	Phát hành văn bản và chuyển kết quả cho bộ phận TN&TKQ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Cập nhật kết quả xử lý công việc, lưu hồ sơ.	Văn thư Sở; Công chức được giao xử lý hồ sơ	0,5 ngày	Mẫu 05, 06; Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi hoặc văn bản thông báo lý do từ chối cấp giấy chứng nhận đã ký, đóng dấu.
B8	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	Công chức TN&TKQ; Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu 01, 06; Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi hoặc Văn bản thông báo lý do từ chối cấp giấy chứng nhận.
	<i>* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, cơ quan giải quyết TTHC ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để gửi cho tổ chức, cá nhân.</i>			
<b>3</b>	<b>BIỂU MẪU</b>			

	Mẫu 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả	 Mẫu 01.docx
	Mẫu 02	Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ	 Mẫu 02.docx
	Mẫu 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ	 Mẫu 03.docx
	Mẫu 04	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả	 Mẫu 04.docx
	Mẫu 05	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	 Mẫu 05.docx
	Mẫu 06	Sổ theo dõi hồ sơ	 Mẫu 06.docx
	BM.CNTY.17.01	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi.	 BM.CNTY.17.01.docx
	BM.CNTY.17.02	Bản thuyết minh điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi.	 BM.CNTY.17.02.docx
	BM.CNTY.17.03	Quy trình kiểm soát chất lượng của cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi.	 BM.CNTY.17.03.docx

	BM.CNTY.17.04	Biên bản đánh giá điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi.  BM.CNTY.17.04.docx
	BM.CNTY.17.05	Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi.  BM.CNTY.17.05.docx
<b>4</b>	<b>HỒ SƠ LƯU</b>	
-	Mẫu 01; 02, 03, 04 (nếu có); 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ của Sở NN&PTNT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ TTHC.	
-	Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3.	
-	Văn bản thông báo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có); Hồ sơ bổ sung, hoàn thiện (nếu có).	
-	Quyết định thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế; Biên bản đánh giá điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (đối với TH1).	
-	Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi hoặc Văn bản thông báo lý do từ chối cấp giấy chứng nhận hoặc Văn bản thông báo chưa cấp giấy chứng nhận và yêu cầu khắc phục.	
Hồ sơ được lưu tại Phòng QL Chăn nuôi, thời gian lưu 05 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ của cơ quan và thực hiện lưu trữ theo quy định.		




## 2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng






1	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	QT.CNTY.18
2	NỘI DUNG QUY TRÌNH	
2.1	Điều kiện thực hiện TTHC	
<p><i>2.1.1. Tổ chức, cá nhân sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng phải đáp ứng các điều kiện sau đây:</i></p> <p>a) Địa điểm cơ sở sản xuất không nằm trong khu vực bị ô nhiễm bởi chất thải nguy hại, hóa chất độc hại;</p> <p>b) Thiết kế khu sản xuất, bố trí thiết bị theo quy tắc một chiều từ nguyên liệu đầu vào đến sản phẩm đầu ra, bảo đảm tách biệt giữa các khu sản xuất để tránh nhiễm chéo;</p> <p>c) Có dây chuyền, trang thiết bị phù hợp để sản xuất thức ăn chăn nuôi: Dây chuyền sản xuất, trang thiết bị tiếp xúc với thức ăn chăn nuôi phải được làm bằng vật liệu dễ vệ sinh, không gây nhiễm chéo, không thôi nhiễm chất độc hại từ thiết bị sang thức ăn chăn nuôi; khu vực chứa thức ăn chăn nuôi bảo đảm thông thoáng, có đủ ánh sáng để quan sát bằng mắt thường, có giải pháp chống ẩm để không làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm; cơ sở sản xuất sinh khối vi sinh vật phải có thiết bị tạo môi trường, lưu giữ và nuôi cấy vi sinh vật;</p> <p>d) Có biện pháp bảo quản nguyên liệu thức ăn chăn nuôi theo khuyến cáo của tổ chức, cá nhân cung cấp;</p> <p>đ) Có biện pháp kiểm soát sinh vật gây hại, tạp chất, chất thải gây nhiễm bẩn để không ảnh hưởng đến an toàn, chất lượng thức ăn chăn nuôi: Cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi phải có biện pháp để kiểm soát tạp chất (cát sạn, kim loại, bụi) gây nhiễm bẩn vào sản phẩm; có biện pháp kiểm soát, phòng, chống động vật xâm nhập vào khu vực sản xuất, khu lưu trữ sản phẩm; có biện pháp phòng, chống mối mọt; có biện pháp thu gom và xử lý chất thải để tránh nhiễm bẩn cho sản phẩm và bảo đảm vệ sinh môi trường; có biện pháp bảo hộ, vệ sinh cho người lao động và khách tham quan khu vực sản xuất;</p> <p>e) Có trang thiết bị, dụng cụ đo lường được kiểm định, hiệu chỉnh theo quy định;</p> <p>g) Có hoặc thuê phòng thử nghiệm để phân tích chất lượng thức ăn chăn nuôi trong quá trình sản xuất;</p> <p>h) Người phụ trách kỹ thuật có trình độ từ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành chăn nuôi, thú y, sinh học, công nghệ thực phẩm, công nghệ sau thu hoạch;</p> <p>i) Cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh phải có biện pháp kiểm soát bảo đảm không phát tán, gây nhiễm chéo giữa các loại kháng sinh khác nhau, giữa thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh và thức ăn chăn nuôi không chứa kháng sinh;</p> <p>k) Có biện pháp bảo vệ môi trường đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.</p> <p><i>2.1.2. Tổ chức, cá nhân sản xuất thức ăn chăn nuôi tiêu thụ nội bộ phải đáp ứng các điều kiện quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g, i và k mục 2.1.1.</i></p>		

<b>2.2</b>	<b>Cách thức thực hiện TTHC</b>			
	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh) hoặc qua Cổng Dịch vụ công (Địa chỉ <a href="http://dichvucong.hatinh.gov.vn">http://dichvucong.hatinh.gov.vn</a> ).			
<b>2.3</b>	<b>Thành phần hồ sơ, bao gồm:</b>	<b>Bản chính</b>	<b>Bản sao</b>	
-	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi theo biểu mẫu BM.CNTY.18.01.	X		
-	Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi đối với trường hợp thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân (tên cơ sở, tên địa chỉ cơ sở sản xuất, địa chỉ trụ sở) trong Giấy chứng nhận.		X	
	<p><i>* Lưu ý khi nộp hồ sơ:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nếu nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, trường hợp yêu cầu bản sao thì kèm theo bản gốc để đối chiếu;</li> <li>+ Nếu nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công thì quét (Scan) từ bản chính;</li> <li>+ Nếu nộp hồ sơ qua đường bưu điện thì nộp bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.</li> </ul>			
<b>2.4</b>	<b>Số lượng hồ sơ:</b> 01 bộ.			
<b>2.5</b>	<b>Thời hạn giải quyết:</b> 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.			
<b>2.6</b>	<b>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Tĩnh.			
<b>2.7</b>	<p><b>Cơ quan thực hiện:</b> Chi cục Chăn nuôi và Thú y Hà Tĩnh.  <b>Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</b> Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Tĩnh.  <b>Cơ quan được ủy quyền:</b> Không.  <b>Cơ quan phối hợp:</b> Không.</p>			
<b>2.8</b>	<b>Đối tượng thực hiện TTHC:</b> Tổ chức, cá nhân			
<b>2.9</b>	<b>Kết quả giải quyết TTHC:</b> Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (được cấp lại) hoặc Văn bản thông báo lý do từ chối cấp lại Giấy chứng nhận.			
<b>2.10</b>	<b>Quy trình xử lý công việc</b>			
<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Biểu mẫu/Kết quả</b>
B1	Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận TN&TKQ của Sở NN&PTNT - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Công chức TN&TKQ kiểm tra hồ sơ:	Tổ chức/ cá nhân; Công chức TN&TKQ	Giờ hành chính	Mẫu 01; 02, 03 (nếu có), 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 2.3.



	<p>+ Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả.</p> <p>+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ. Nếu không bổ sung, điều chỉnh được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ.</p>			
B2	Chuyển hồ sơ từ Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh về Chi cục Chăn nuôi và Thú y.	Công chức TN&TKQ	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo.
B3	Duyệt hồ sơ và chuyển cho phòng QLCN xử lý.	Lãnh đạo Chi cục	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo.
B4	<p><b>Thẩm định hồ sơ:</b></p> <p>- Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu thì dự thảo Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (cấp lại) kèm hồ sơ trình lãnh đạo phòng xem xét, lãnh đạo Chi cục ký nháy <i>theo bước B5</i>.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu thì dự thảo Văn bản thông báo lý do từ chối cấp lại Giấy chứng nhận kèm hồ sơ trình lãnh đạo phòng xem xét, lãnh đạo Chi cục ký nháy <i>theo bước B5</i>.</p>	Công chức được giao xử lý hồ sơ; Lãnh đạo phòng QLCN	02 ngày	Mẫu 05; Dự thảo Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi hoặc dự thảo Văn bản thông báo lý do từ chối cấp lại Giấy chứng nhận và hồ sơ kèm theo.
B5	Xem xét hồ sơ và ký nháy vào các dự thảo kết quả thực hiện tại bước B4	Lãnh đạo Chi cục	0,5 ngày	Mẫu 05; Dự thảo Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi hoặc dự thảo Văn bản thông báo lý do từ chối cấp lại Giấy chứng nhận đã được ký nháy.
B6	Trình lãnh đạo Sở NN&PTNT xem xét, ký duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Chi cục Chăn nuôi và Thú y. Hồ sơ trình bao gồm:	Công chức được giao xử lý hồ sơ	01 ngày	Hồ sơ trình

	<p>- Hồ sơ theo mục 2.3, mẫu 05; - Dự thảo Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi hoặc dự thảo Văn bản thông báo lý do từ chối cấp lại Giấy chứng nhận đã ký nháy.</p>			
	Xem xét hồ sơ, ký duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Chi cục Chăn nuôi và Thú y.	Lãnh đạo Sở NN&PTNT		Mẫu 05; Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi hoặc Văn bản thông báo lý do từ chối cấp Giấy chứng nhận đã ký duyệt.
B7	<p>Phát hành văn bản và chuyển kết quả cho bộ phận TN&amp;TKQ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. -Cập nhật kết quả xử lý công việc, lưu hồ sơ.</p>	Văn thư Sở/ Công chức được giao xử lý hồ sơ	0,5 ngày	Mẫu 05, 06; Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi hoặc Văn bản thông báo lý do do từ chối cấp lại Giấy chứng nhận đã ký, đóng dấu.
B8	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	Công chức TN&TKQ; Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu 01, 06; Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi hoặc Văn bản thông báo lý do do từ chối cấp lại Giấy chứng nhận.
<b>3</b>	<b>BIỂU MẪU.</b>			
	Mẫu 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả .		 Mẫu 01.docx
	Mẫu 02	Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ .		 Mẫu 02.docx
	Mẫu 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ.		 Mẫu 03.docx

	Mẫu 04	 Mẫu 04.docx Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả.
	Mẫu 05	 Mẫu 05.docx Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ.
	Mẫu 06	 Mẫu 06.docx Sổ theo dõi hồ sơ.
	BM.CNTY.18.01	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi.  BM.CNTY.18.01.docx
	BM.CNTY.18.02	Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi.  BM.CNTY.18.02.docx
<b>4</b>	<b>HỒ SƠ LƯU</b>	
-	Mẫu 01; 02, 03, 04 (nếu có); 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ của Sở NN&PTNT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ TTHC.	
-	Hồ sơ đầu vào như mục 2.3.	
-	Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (cấp lại) hoặc Văn bản thông báo lý do từ chối cấp lại Giấy chứng nhận.	
<p>Hồ sơ được lưu tại Phòng QL Chăn nuôi, thời gian lưu 05 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ của cơ quan và thực hiện lưu trữ theo quy định.</p>		








### 3. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn

<b>1</b>	<b>KÝ HIỆU QUY TRÌNH</b>	<b>QT.CNTY.19</b>	
<b>2</b>	<b>NỘI DUNG QUY TRÌNH</b>		
<b>2.1</b>	<b>Điều kiện thực hiện TTHC</b>		
	<p>- Chăn nuôi trang trại phải đáp ứng các điều kiện sau đây:  + Vị trí xây dựng trang trại phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, chiến lược phát triển ngành chăn nuôi; đáp ứng yêu cầu về mật độ chăn nuôi quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 53 của Luật Chăn nuôi.  + Có đủ nguồn nước bảo đảm chất lượng cho hoạt động chăn nuôi và xử lý chất thải chăn nuôi.  + Có biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.  + Có chuồng trại, trang thiết bị chăn nuôi phù hợp với từng loại vật nuôi.  + Có hồ sơ ghi chép quá trình hoạt động chăn nuôi, sử dụng thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, vắc-xin và thông tin khác để bảo đảm truy xuất nguồn gốc; lưu giữ hồ sơ trong thời gian tối thiểu là 01 năm sau khi kết thúc chu kỳ chăn nuôi.  + Có khoảng cách an toàn từ khu vực chăn nuôi trang trại đến đối tượng chịu ảnh hưởng của hoạt động chăn nuôi và từ nguồn gây ô nhiễm đến khu vực chăn nuôi trang trại.</p> <p>- Chăn nuôi trang trại quy mô lớn: Từ 300 đơn vị vật nuôi trở lên. (Điều 55 Luật Chăn nuôi; điểm a khoản 2 Điều 21 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi)</p>		
<b>2.2</b>	<b>Cách thức thực hiện TTHC</b>		
	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh) hoặc qua Cổng Dịch vụ công (Địa chỉ <a href="http://dichvucong.hatinh.gov.vn">http://dichvucong.hatinh.gov.vn</a> ).		
<b>2.3</b>	<b>Thành phần hồ sơ, bao gồm:</b>	<b>Bản chính</b>	<b>Bản sao</b>
-	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn theo biểu mẫu BM.CNTY.19.01.	x	
-	Bản thuyết minh về điều kiện chăn nuôi theo biểu mẫu BM.CNTY.19.02.	x	
	<p><i>* Lưu ý khi nộp hồ sơ:</i>  + Nếu nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, trường hợp yêu cầu bản sao thì kèm theo bản gốc để đối chiếu;  + Nếu nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công thì quét (Scan) từ bản chính;  + Nếu nộp hồ sơ qua đường bưu điện thì nộp bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.</p>		



2.4	<b>Số lượng hồ sơ:</b> 01 bộ.			
2.5	<b>Thời hạn giải quyết:</b> 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.			
2.6	<b>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Tĩnh.			
2.7	<b>Cơ quan thực hiện:</b> Chi cục Chăn nuôi và Thú y Hà Tĩnh. <b>Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</b> Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Tĩnh. <b>Cơ quan được ủy quyền:</b> Không. <b>Cơ quan phối hợp:</b> Không.			
2.8	<b>Đối tượng thực hiện TTHC:</b> Tổ chức, cá nhân.			
2.9	<b>Kết quả giải quyết TTHC:</b> Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi hoặc Văn bản thông báo lý do từ chối cấp Giấy chứng nhận hoặc Văn bản thông báo lý do chưa cấp Giấy chứng nhận và yêu cầu khắc phục.			
2.10	<b>Quy trình xử lý công việc</b>			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận TN&TKQ của Sở NN&PTNT - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Công chức TN&TKQ kiểm tra hồ sơ: + Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả. + Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Nếu không bổ sung, hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ.	Tổ chức/ cá nhân; Công chức TN&TKQ	Giờ hành chính	Mẫu 01; 02, 03 (nếu có), 06 và 01 bộ Hồ sơ theo mục 2.3
B2	Chuyển hồ sơ từ Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh về Chi cục Chăn nuôi và Thú y.	Công chức TN&TKQ	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ theo mục 2.3
B3	Duyệt hồ sơ và chuyển cho phòng QLCN xử lý.	Lãnh đạo Chi cục	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo
B4	<b>Thẩm định nội dung hồ sơ:</b> - Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu thì dự thảo Văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trình	Công chức được giao xử lý hồ sơ; Lãnh đạo	8 ngày (Thời gian hoàn thiện hồ sơ tối	Mẫu 05, 06; Văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc Văn bản thông

	<p>lãnh đạo phòng xem xét, lãnh đạo Chi cục ký nháy, lãnh đạo Sở ký duyệt, Văn thư đóng dấu và phát hành văn bản.</p> <p>+ Nếu không bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đầy đủ theo yêu cầu hoặc quá thời gian quy định thì dự thảo Văn bản thông báo lý do từ chối cấp Giấy chứng nhận trình lãnh đạo phòng xem xét, lãnh đạo Chi cục ký nháy, lãnh đạo Sở ký duyệt, Văn thư đóng dấu và chuyển Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để trả cho tổ chức, cá nhân <i>theo bước B10</i>.</p> <p>+ Nếu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đầy đủ theo yêu cầu thì tham mưu thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế cơ sở chăn nuôi trình lãnh đạo Phòng xem xét, lãnh đạo Chi cục ký nháy, lãnh đạo Sở ký duyệt, chuyển sang <i>thực hiện bước B5</i>.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu thì tham mưu thành lập Đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở chăn nuôi trình lãnh đạo Phòng xem xét, lãnh đạo Chi cục ký nháy, lãnh đạo Sở ký duyệt, chuyển sang <i>thực hiện bước B5</i>.</p>	<p>Phòng QLCN; Lãnh đạo Chi cục; Lãnh đạo Sở; Văn thư Sở</p>	<p>đa 5 ngày, kể từ ngày ra thông báo và không tính trong thời gian giải quyết TTHC)</p>	<p>báo lý do từ chối cấp Giấy chứng nhận. Hoặc mẫu 05; Quyết định thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở chăn nuôi.</p>
B5	Đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở chăn nuôi.	Đoàn đánh giá theo Quyết định	11 ngày	Mẫu 05; Biên bản đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở chăn nuôi.
B6	<p><b>Sau đánh giá điều kiện thực tế:</b></p> <p>+ Nếu cơ sở đáp ứng điều kiện thì dự thảo Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi, kèm hồ sơ trình lãnh đạo phòng xem xét, lãnh đạo Chi cục em xét, ký nháy.</p> <p>+ Nếu cơ sở không đáp ứng điều kiện cấp giấy chứng nhận thì dự thảo Văn bản thông báo lý do chưa cấp giấy chứng nhận và yêu cầu khắc phục (<i>Thời gian khắc</i></p>	<p>Công chức được giao xử lý; Lãnh đạo phòng QLCN;</p>	02 ngày	<p>Mẫu 05; Dự thảo Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi hoặc dự thảo Văn bản thông báo lý do chưa cấp Giấy chứng nhận và yêu cầu khắc phục đã được ký nháy và hồ sơ kèm theo.</p>

	<i>phục t<sup>o</sup>i đ<sup>a</sup> 6 th<sup>a</sup>ng kể từ ngày lập biên bản đ<sup>a</sup>nh gi<sup>a</sup>) kèm hồ sơ trình l<sup>a</sup>nh đ<sup>a</sup>o ph<sup>o</sup>ng xem x<sup>e</sup>t, l<sup>a</sup>nh đ<sup>a</sup>o Chi c<sup>u</sup>c k<sup>y</sup> nh<sup>a</sup>y.</i>			
B7	Xem x <sup>e</sup> t hồ sơ, và k <sup>y</sup> nh <sup>a</sup> y dự thảo tại b <sup>u</sup> oc B6.	L <sup>a</sup> nh đ <sup>a</sup> o Chi c <sup>u</sup> c	01 ngày	M <sup>a</sup> u 05; Dự thảo Giấy chứng nhận đủ điều kiện ch <sup>a</sup> n nuôi hoặc dự thảo V <sup>a</sup> n bản th <sup>o</sup> ng b <sup>a</sup> o l <sup>y</sup> do ch <sup>u</sup> a cấp Giấy chứng nhận và y <sup>e</sup> u cầu khắc phục đ <sup>a</sup> đ <sup>u</sup> oc k <sup>y</sup> nh <sup>a</sup> y.
B8	Trình l <sup>a</sup> nh đ <sup>a</sup> o S <sup>o</sup> NN&PTNT xem x <sup>e</sup> t, k <sup>y</sup> đ <sup>u</sup> yet k <sup>q</sup> u <sup>a</sup> gi <sup>a</sup> i qu <sup>y</sup> et th <sup>u</sup> t <sup>u</sup> c h <sup>a</sup> n h <sup>a</sup> nh ch <sup>o</sup> ng của Chi c <sup>u</sup> c Ch <sup>a</sup> n nuôi và Th <sup>u</sup> y y. Hồ sơ trình bao g <sup>o</sup> m: - Hồ sơ theo m <sup>u</sup> c 2.3, m <sup>a</sup> u 05; - Bi <sup>e</sup> n bản đ <sup>a</sup> nh gi <sup>a</sup> điều kiện thực t <sup>e</sup> của cơ s <sup>o</sup> ch <sup>a</sup> n nuôi. - Dự thảo Giấy chứng nhận đủ điều kiện ch <sup>a</sup> n nuôi hoặc dự thảo V <sup>a</sup> n bản th <sup>o</sup> ng b <sup>a</sup> o l <sup>y</sup> do t <sup>u</sup> ch <sup>o</sup> i cấp Giấy chứng nhận và y <sup>e</sup> u cầu khắc phục đ <sup>a</sup> k <sup>y</sup> nh <sup>a</sup> y.	Công ch <sup>u</sup> c đ <sup>u</sup> oc giao xử l <sup>y</sup> hồ sơ	1,5 ngày	Hồ sơ trình
	Xem x <sup>e</sup> t hồ sơ, k <sup>y</sup> đ <sup>u</sup> yet k <sup>q</sup> u <sup>a</sup> gi <sup>a</sup> i qu <sup>y</sup> et th <sup>u</sup> t <sup>u</sup> c h <sup>a</sup> n h <sup>a</sup> nh ch <sup>o</sup> ng của Chi c <sup>u</sup> c Ch <sup>a</sup> n nuôi và Th <sup>u</sup> y y.	L <sup>a</sup> nh đ <sup>a</sup> o S <sup>o</sup> NN&PTNT		M <sup>a</sup> u 05; Giấy chứng nhận đủ điều kiện ch <sup>a</sup> n nuôi hoặc V <sup>a</sup> n bản th <sup>o</sup> ng b <sup>a</sup> o l <sup>y</sup> do ch <sup>u</sup> a cấp Giấy chứng nhận và y <sup>e</sup> u cầu khắc phục đ <sup>a</sup> k <sup>y</sup> đ <sup>u</sup> yet.
B9	Ph <sup>a</sup> t h <sup>a</sup> n h <sup>a</sup> n v <sup>a</sup> n bản và ch <sup>u</sup> yn <sup>h</sup> k <sup>q</sup> u <sup>a</sup> cho bộ ph <sup>a</sup> n TN&TKQ Trung tâm Phục vụ h <sup>a</sup> n h <sup>a</sup> nh ch <sup>o</sup> ng công t <sup>h</sup> nh. - C <sup>a</sup> p nh <sup>a</sup> t k <sup>q</sup> u <sup>a</sup> xử l <sup>y</sup> công vi <sup>e</sup> c, lưu hồ sơ.	V <sup>a</sup> n thư S <sup>o</sup> ; Công ch <sup>u</sup> c đ <sup>u</sup> oc giao xử l <sup>y</sup> hồ sơ	0,5 ngày	M <sup>a</sup> u 05, 06; Giấy chứng nhận đủ điều kiện ch <sup>a</sup> n nuôi hoặc V <sup>a</sup> n bản th <sup>o</sup> ng b <sup>a</sup> o l <sup>y</sup> do ch <sup>u</sup> a cấp Giấy chứng nhận và y <sup>e</sup> u cầu khắc phục đ <sup>a</sup> k <sup>y</sup> , đ <sup>o</sup> ng d <sup>a</sup> u.
B10	Tr <sup>a</sup> k <sup>q</sup> u <sup>a</sup> cho t <sup>o</sup> ch <sup>u</sup> c, cá nh <sup>a</sup> n.	Công ch <sup>u</sup> c TN&TKQ;	Gi <sup>o</sup> r h <sup>a</sup> n h <sup>a</sup> n ch <sup>o</sup> ng	M <sup>a</sup> u 01, 06; Giấy chứng nhận đủ điều

		Tổ chức, cá nhân		kiện chăn nuôi hoặc Văn bản thông báo lý do từ chối cấp Giấy chứng nhận hoặc Văn bản thông báo lý do chưa cấp Giấy chứng nhận và yêu cầu khắc phục.
* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, cơ quan giải quyết TTHC ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để gửi cho tổ chức, cá nhân.				
<b>3</b>	<b>BIỂU MẪU</b>			
	Mẫu 01			Mẫu 01.docx
		Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả		
	Mẫu 02			Mẫu 02.docx
		Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ		
	Mẫu 03			Mẫu 03.docx
		Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ		
	Mẫu 04			Mẫu 04.docx
		Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả		
	Mẫu 05			Mẫu 05.docx
		Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ		
	Mẫu 06			Mẫu 06.docx
		Sổ theo dõi hồ sơ		
	BM.CNTY.19.01			BM.CNTY.19.01.docx
		Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn.		








	BM.CNTY.19.02	 BM.CNTY.19.02.docx Bản thuyết minh về điều kiện chăn nuôi.
	BM.CNTY.19.03	 BM.CNTY.19.03.docx Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi.
<b>4</b>	<b>HỒ SƠ LƯU</b>	
-	Mẫu 01; 02, 03, 04 (nếu có); 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ TTHC.	
-	Hồ sơ đầu vào như mục 2.3.	
-	Văn bản thông báo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có); Hồ sơ bổ sung, hoàn thiện (nếu có).	
-	Quyết định thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở chăn nuôi; Biên bản kiểm tra đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở chăn nuôi.	
-	Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi hoặc Văn bản thông báo lý do từ chối cấp Giấy chứng nhận hoặc Văn bản thông báo lý do chưa cấp giấy Chứng nhận và yêu cầu khắc phục.	
Hồ sơ được lưu tại phòng QLCN, thời gian lưu 05 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ của cơ quan và thực hiện lưu trữ theo quy định.		




#### 4. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn

<b>1</b>	<b>KÝ HIỆU QUY TRÌNH</b>	<b>QT.CNTY.20</b>	
<b>2</b>	<b>NỘI DUNG QUY TRÌNH</b>		
<b>2.1</b>	<b>Điều kiện thực hiện TTHC</b>		
	<p>- Chăn nuôi trang trại phải đáp ứng các điều kiện sau đây:          + Vị trí xây dựng trang trại phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, chiến lược phát triển ngành chăn nuôi; đáp ứng yêu cầu về mật độ chăn nuôi quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 53 của Luật Chăn nuôi.          + Có đủ nguồn nước bảo đảm chất lượng cho hoạt động chăn nuôi và xử lý chất thải chăn nuôi.          + Có biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.          + Có chuồng trại, trang thiết bị chăn nuôi phù hợp với từng loại vật nuôi.          + Có hồ sơ ghi chép quá trình hoạt động chăn nuôi, sử dụng thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, vắc-xin và thông tin khác để bảo đảm truy xuất nguồn gốc; lưu giữ hồ sơ trong thời gian tối thiểu là 01 năm sau khi kết thúc chu kỳ chăn nuôi.          + Có khoảng cách an toàn từ khu vực chăn nuôi trang trại đến đối tượng chịu ảnh hưởng của hoạt động chăn nuôi và từ nguồn gây ô nhiễm đến khu vực chăn nuôi trang trại.          - Chăn nuôi trang trại quy mô lớn: Từ 300 đơn vị vật nuôi trở lên. (Điều 55 Luật Chăn nuôi; điểm a khoản 2 Điều 21 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi).</p>		
<b>2.2</b>	<b>Cách thức thực hiện TTHC</b>		
	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh) hoặc qua Cổng Dịch vụ công (Địa chỉ <a href="http://dichvucong.hatinh.gov.vn">http://dichvucong.hatinh.gov.vn</a> ).		
<b>2.3</b>	<b>Thành phần hồ sơ, bao gồm:</b>	<b>Bản chính</b>	<b>Bản sao</b>
-	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi theo mẫu BM.CNTY.20.01.	X	
-	Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi đối với trường hợp thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân trong Giấy chứng nhận.		X
-	Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đã được cấp, trừ trường hợp Giấy chứng nhận bị mất.	X	
	<i>* Lưu ý khi nộp hồ sơ:</i>		

	<p>+ Nếu nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, trường hợp yêu cầu bản sao thì kèm theo bản gốc để đối chiếu;</p> <p>+ Nếu nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công thì quét (Scan) từ bản chính;</p> <p>+ Nếu nộp hồ sơ qua đường bưu điện thì nộp bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.</p>			
<b>2.4</b>	<b>Số lượng hồ sơ:</b> 01 bộ.			
<b>2.5</b>	<b>Thời hạn giải quyết:</b> 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
<b>2.6</b>	<b>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Tĩnh.			
<b>2.7</b>	<p><b>Cơ quan thực hiện:</b> Chi cục Chăn nuôi và Thú y Hà Tĩnh.</p> <p><b>Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</b> Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Tĩnh.</p> <p><b>Cơ quan được ủy quyền:</b> Không.</p> <p><b>Cơ quan phối hợp:</b> Không.</p>			
<b>2.8</b>	<b>Đối tượng thực hiện TTHC:</b> Tổ chức, cá nhân.			
<b>2.9</b>	<b>Kết quả giải quyết TTHC:</b> Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi (cấp lại) hoặc Văn bản thông báo lý do từ chối cấp lại Giấy chứng nhận.			
<b>2.10</b>	<b>Quy trình xử lý công việc</b>			
<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Biểu mẫu/Kết quả</b>
B1	<p>Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận TN&amp;TKQ của Sở NN&amp;PTNT - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Công chức TN&amp;TKQ kiểm tra hồ sơ:</p> <p>+ Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả.</p> <p>+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Nếu không bổ sung, hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ.</p>	Tổ chức/cá nhân; Công chức TN&TKQ	Giờ hành chính	Mẫu 01; 02, 03 (nếu có), 06 và Hồ sơ theo mục 2.3
B2	Chuyển hồ sơ từ Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức TN&TKQ	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ theo mục 2.3

	về Chi cục Chăn nuôi và Thú y.			
B3	Duyệt hồ sơ và chuyển cho phòng QLCN xử lý.	Lãnh đạo Chi cục	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo
B4	<b>Thẩm định hồ sơ:</b> - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu thì dự thảo Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi (cấp lại) kèm hồ sơ trình lãnh đạo phòng xem xét, lãnh đạo Chi cục ký nháy <i>theo bước B5</i> . - Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu thì dự thảo Văn bản thông báo lý do từ chối cấp lại Giấy chứng nhận kèm hồ sơ trình lãnh đạo phòng xem xét, lãnh đạo Chi cục ký nháy <i>theo bước B5</i> .	Công chức được giao xử lý hồ sơ, Lãnh đạo phòng QLCN	02 ngày	Mẫu 05; Dự thảo Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi hoặc dự thảo Văn bản thông báo lý do từ chối cấp lại Giấy chứng nhận và hồ sơ kèm theo
B5	Xem xét, ký nháy các dự thảo kết quả thực hiện tại bước B4.	Lãnh đạo Chi cục	0,5 ngày	Mẫu 05; Dự thảo Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi hoặc dự thảo Văn bản thông báo lý do từ chối cấp lại Giấy chứng nhận đã được ký nháy.
B6	Trình lãnh đạo Sở NN&PTNT xem xét, ký duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Chi cục Chăn nuôi và Thú y. Hồ sơ trình bao gồm: - Hồ sơ theo mục 2.3, mẫu 05; - Dự thảo Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi hoặc dự thảo Văn bản thông báo lý do từ chối cấp lại Giấy chứng nhận đã ký nháy.	Công chức được giao xử lý hồ sơ	01 ngày	Hồ sơ trình.
	Xem xét hồ sơ, ký duyệt kết quả giải quyết TTHC của Chi cục Chăn nuôi và Thú y.	Lãnh đạo Sở NN&PTNT		Mẫu 05; Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi hoặc Văn bản thông báo lý do từ chối cấp lại Giấy

				chứng nhận đã ký duyệt.
B7	Phát hành văn bản và chuyển kết quả cho bộ phận TN&TKQ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Cập nhật kết quả xử lý công việc, lưu hồ sơ.	Văn thư Sở; Công chức được giao xử lý hồ sơ	0,5 ngày	Mẫu 05, 06; Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi hoặc Văn bản thông báo lý do từ chối cấp lại Giấy chứng nhận đã ký, đóng dấu.
B8	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	Công chức TN&TKQ; Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu 01, 06; Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi hoặc Văn bản thông báo lý do từ chối cấp lại Giấy chứng nhận.
* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, cơ quan giải quyết TTHC ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để gửi cho tổ chức, cá nhân.				
<b>3</b>	<b>BIỂU MẪU</b>			
	Mẫu 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả		Mẫu 01.docx
	Mẫu 02	Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ		Mẫu 02.docx
	Mẫu 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ		Mẫu 03.docx
	Mẫu 04	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả		Mẫu 04.docx
	Mẫu 05	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ		Mẫu 05.docx

	Mẫu 06	Sổ theo dõi hồ sơ	 Mẫu 06.docx
	BM.CNTY.20.01	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi.	 BM.CNTY.20.01.docx
	BM.CNTY.20.02	Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi	 BM.CNTY.20.02.docx
<b>4</b>	<b>HỒ SƠ LƯU</b>		
-	Mẫu 01; 02, 03, 04 (nếu có); 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ TTHC.		
-	Hồ sơ đầu vào như mục 2.3.		
-	Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi hoặc Văn bản thông báo lý do từ chối cấp lại Giấy chứng nhận.		
Hồ sơ được lưu tại phòng QLCN, thời gian lưu 05 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ của cơ quan và thực hiện lưu trữ theo quy định.			